

TOPIC 28: CELEBRATIONS

I. VOCABULARY

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	Artisan	n	/ˌɑːtɪˈzæn/	nghệ nhân
	Artist	n	/ˈɑːtɪst/	nghệ sĩ
2	Assault	n	/əˈsoʊlt/	cuộc tấn công, cuộc đột kích
3	Audition	n	/ɔːˈdɪʃn/	buổi thử giọng
4	Bureau	n	/ˈbjʊərəʊ/	ban, cục
5	Chaos	n	/ˈkeɪɒs/	tình trạng hỗn loạn, hỗn loạn
	Mess	n	/mes/	đống bừa bộn
	Shambles	n	/ˈʃæmblz/	tình trạng hỗn loạn; tình trạng rối ren
	Confusion	n	/kənˈfjuːʒn/	sự mơ hồ, đầy hỗn loạn
6	Commencement	n	/kəˈmensmənt/	sự khởi đầu, sự bắt đầu
7	Delicacy	n	/ˈdelɪkəsi/	sự tinh tế
8	Dilemma	n	/dɪˈlemə/	thế tiến thoái lưỡng nan
9	Direct	v	/dəˈrekt/	hướng dẫn
	Direction	n	/dəˈrekʃn/	sự hướng dẫn
	Directive	n	/dəˈrektɪv/	chỉ thị, lời hướng dẫn
	Directional	a	/dəˈrekʃənəl/	điều khiển, chỉ huy
10	Dutiful	a	/ˈdjuːtɪfəl/	biết làm tròn bổn phận
11	Entice	v	/ɪnˈtaɪs/	dụ dỗ
12	Exposition	n	/ˌekspəˈzɪʃən/	sự phơi bày
13	Extrude	v	/ɪkˈstruːd/	đẩy ra, ấn ra
14	Fuel-hungry	a	/ˈfjuːəl ˈhʌŋɡri/	khát/thiếu nhiên liệu
15	Galvanize	v	/ˈɡælvənaɪz/	kích động
16	Grandly	adv	/ˈɡrændli/	một cách đàng hoàng, đầu ra đầy
17	Hierarchically	adv	/ˌhaɪəˈrɑːkɪkli/	một cách có phân cấp
18	Indigenous	a	/ɪnˈdɪdʒənəs/	bản xứ, bản địa
19	Infancy	n	/ˈɪnfənsi/	tuổi ấu thơ, từ lúc sơ khai
20	Inscribe	v	/ɪnˈskraɪb/	khắc chữ, viết chữ
21	Interculturally	adv	/ˌɪntəˈkʌltʃərəli/	một cách đa văn hóa
22	Intriguingly	adv	/ɪnˈtriːɡɪŋli/	một cách có mưu đồ
23	Invasion	n	/ɪnˈveɪʒn/	sự xâm lược
24	Invigorate	v	/ɪnˈvɪɡəreɪt/	tiếp thêm sinh lực
25	Lucrative	a	/ˈluːkrətɪv/	có lợi, sinh lợi
26	Manifestation	n	/ˌmænɪfeˈsteɪʃn/	sự biểu lộ, sự biểu thị
27	Masterpiece	n	/ˈmɑːstəpiːs/	kiệt tác
28	Miraculously	adv	/mɪˈrækjələsli/	một cách kì diệu, phi thường
29	Onerous	a	/ˈəʊnərəs/	nhọc nhằn, cần nhiều nỗ lực
30	Onslaught	n	/ˈɒnslɔːt/	sự công kích dữ dội
31	Recital	n	/rɪˈsaɪtl/	sự kể lại, sự thuật lại

	Score	n	/skɔːr/	số điểm, bàn thắng
	Concert	n	/'kɒnsət/	buổi hòa nhạc
	Rehearsal	n	/rɪ'hɜːsl/	sự diễn tập
32	Religion	n	/rɪ'lɪdʒən/	tôn giáo
	Religious	a	/rɪ'lɪdʒəs/	thuộc tôn giáo
	Religionist	n	/rɪ'lɪdʒənɪst/	người cuồng tín
	Religiously	adv	/rɪ'lɪdʒəsli/	một cách sùng đạo
33	Retrospective	a	/,retrə'spektɪv/	hồi tưởng quá khứ
34	Revenue	n	/'revənjuː/	thu nhập
35	Stronghold	n	/'strɒŋhəʊld/	pháo đài
	Strengthen	n	/'streŋθn/	làm cho mạnh
36	Tarnish	v	/'tɑːnɪʃ/	làm mờ
37	Token	n	/'tɒkən/	dấu hiệu, biểu hiện
38	Unruly	a	/ʌn'ruːli/	một cách ngang bướng
39	Well-organized	a	/,wel'ɔːgənəɪzd/	có tổ chức
	High-spirited	a	/,haɪ'spɪrɪtɪd/	dũng cảm, can đảm
	Strong-willed	a	/,strɒŋ'wɪld/	cứng cỏi, kiên quyết

II. STRUCTURES

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	A nail in the coffin	cái mà làm cho người ta thất bại
2	At a loose end	không có gì để làm, rảnh rỗi
3	Carry away with Cope with Get down to Go ahead with	bị lôi cuốn, say mê với đối phó, đương đầu với bắt đầu làm gì một cách nghiêm túc tiến hành làm gì
4	Eke out a living = earn just enough to live on= make ends meet:	chỉ đủ sống
5	In a nutshell	một cách tóm tắt, tóm gọn lại
6	In full swing	hoạt động ở mức độ cao nhất/sôi nổi nhất
7	Let one's hair down	thư giãn, xả hơi
8	Look down on Pin down Crack down on Drop off	coi thường bao vây đàn áp thẳng tay, áp dụng kỷ luật nghiêm khắc thiu thiu ngủ
9	Off the beaten path	không phổ biến với nhiều người
10	On a shoestring	dùng rất ít tiền
11	On the spur of the moment	làm gì một cách ngẫu nhiên không có kế hoạch trước
12	Out of this world	tuyệt vời
13	Over the moon	rất vui sướng
14	Scare sb off	làm cho ai đó sợ/lo lắng
15	Shut off Give away	khóa, tắt, ngắt vô ý tiết lộ bí mật, cho miễn phí

	Let up Fall over	<i>làm dịu đi, tạm, ngưng hẳn, giảm bớt ngã lộn nhào, bị đổ</i>
16	Straighten it up	<i>dọn dẹp gọn gàng</i>
17	Trace back to	<i>có nguồn gốc từ</i>
18	Under a cloud	<i>lâm vào hoàn cảnh buồn, bị thất thế</i>
19	Under siege	<i>dưới sự bao vây, vây hãm, tấn công, công kích</i>
20	Up in the air: <i>không chắc chắn, không đáng tin cậy, không rõ ràng</i>	
21	Ward off st	<i>tránh, né, xua đuổi cái gì</i>

III. PRACTICE EXERCISES

Exercise 1: Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- Question 1:** A. contest B. sponsor C. observe D. festival
- Question 2:** A. stimulate B. competition C. disappointed D. opportunity
- Question 3:** A. recite B. organize C. apologize D. participate
- Question 4:** A. knowledge B. maximum C. athletics D. marathon
- Question 5:** A. encourage B. compete C. award D. represent

Exercise 2: Mark the letter A, B, C, or D indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 6:** A. cold B. calm C. light D. film
- Question 7:** A. honey B. healthy C. honor D. horrible
- Question 8:** A. inherit B. enhance C. exhale D. exhhaust
- Question 9:** A. shine B. slight C. strike D. strict
- Question 10:** A. calendar B. parade C. agrarian D. pagoda

Exercise 3: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 11: In some countries, _____ activities outside of official institutions are banned.

- A. religion B. religious C. religionist D. religiously

Question 12: In Changsha, the education bureau last week issued a _____ to schools not to celebrate western festivals such as Christmas, including putting up decorations, posting related messages or exchanging gifts.

- A. direct B. direction C. directive D. directional

Question 13: Some people hold the belief that teachers should _____ the education of traditional culture for students and guide them to refuse overseas festivals.

- A. strengthen B. strong C. strength D. stronghold

Question 14: Celebration is a _____ condition to cultivate mutual understanding between people on both local and global scale.

A. favorite B. favoring C. favour D. favourable

Question 15: Celebrating new traditions keeps us adapted, which is especially important when we go through some phases of culture_____that may affect many of us in the first months after moving overseas.

A. context B. shock C. preparation D. exchange

Question 16: The rock festival was fun, but it was marred by the organization, which was a_____

A. chaos B. mess C. shambles D. confusion

Question 17: The school orchestra's giving a_____tonight,which sounds quite interesting.

A. recital B. score C. concert D. rehearsal

Question 18: We went to that_____of Lewis' paintings at the Granchester Museum last week.

A. masterpiece B. audition C. installation D. retrospective

Question 19: During the peak season, prices often rise_____at most tourist attractions.

A. virtually B. desperately C. dramatically D. regularly

Question 20: Traditional celebrations are an excellent opportunity for_____exchanging ideas and information.

A. worldwide B. interculturally C. multinationally D. universally

Question 21: Some people argue that it is_____justifiableto hold national events and festivals because of advantages they bring to our country.

A. entirely B. intriguingly C. desperately D. substantially

Question 22: A few people argue that the special events need to be celebrated_____, as it happens only a few times in a lifetime.

A. nicely B. grandly C. expressively D. tremendously

Question 23:_____festivals and events can offer a host of economic and social benefits to communities.

A. Well-known B. Well-organized C. High-spirited D. Strong-willed

Question 24: While it is tempting to realise the_____increasein productivity and savings that might result from abolishing public holidays, the overall cost greatly outweighs the gains.

A. long-lasting B. old-fashioned C. short-term D. quick-witted

Question 25: A place with music and dancing, with parties at night, is called a _____

A. nightlife B. nightmare C. night-blindness D. nightclub

Question 26: The Panorama is a rather_____hotel in a black street near the city center.

A. run-down B. ill-equipped C. broken-down D. worn-out

Question 27: It is advisable that the government should_____anti-social behaviours in relation to drug and alcohol misuse at festivals.

A. look down on B. pin down C. crack down on D. drop off

Question 28: The noise from the unruly fans celebrating their team's victory didn't until early in

the_____morning.

- A. shut off B. give away C. let up D. fall over

Question 29: We've received permission to_____the music festival in spite of opposition from local residents.

- A. carry away with B. cope with C. get down to D. go ahead with

Question 30: You shouldn't have sent John that Valentine's card. I think you've scared him_____

- A. back B. down C. off D. through

Question 31: Holding a warm-up activity was good for me_____I gained a lot of valuable experience.

- A. as far as B. in that C. as for D. in terms of

Question 32:_____is on 14 February when you give a valentine card to someone you have, or would like to have, a romantic relationship with.

- A. Mother's Day B. Thanksgiving
C. Independence Day D. Valentine's Day

Question 33: Because of lack of financial support, we managed to organize this festival_____

- A. at stake B. on a shoestring C. in a nutshell D. under siege

Question 34: The party was already_____by the time we arrived. Everyone was singing and _____dancing happily together.

- A. in full swing B. up in the air C. over the moon D. under a cloud

Question 35: A list of_____events will be posted on the noticeboard.

- A. far-reaching B. forthcoming C. approaching D. inevitable

Question 36: The competition he set up for young musicians is another_____of his life-long support for the arts.

- A. exposition B. manifestation C. token D. exhibition

Question 37: The project to organize International Firework Festival was cancelled while it was still in its_____

- A. beginning B. launch C. commencement D. infancy

Question 38: Some of the world's richest environments were bruised by the tourist_____and their most distinctive wildlife was driven to near-extinction. Moreover, wider environmental impacts might have been caused by the fuel-hungry transport systems.

- A. assault B. invasion C. onslaught D. attack

Question 39: In some cultures, people often wear jewelry to ward_____evil spirits.

- A. for B. against C. off D. from

Question 40: Festival can be a great way to boost the economy of a country, so a great number of indigenous people wouldn't have to be_____a great dilemma to eke out a living on a regular

basis.

A. under

B. on

C. of

D. in

Exercise 4: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 41: This national event not only helps enhance city's reputation but also brings happiness and fulfillment to local residents.

A. boost

B. accumulate

C. diversify

D. tarnish

Question 42: Lunar New Year is an irreplaceable part of Vietnamese people when families gather together to recollect past events and honor ancestors.

A. flawless

B. powerful

C. vital

D. dispensable

Question 43: Tourism can be a great source of income for the host nation. According to the latest report on national revenue, almost 41% of Thailand's GDP come from this lucrative industry.

A. essential

B. costly

C. profitable

D. exceptional

Question 44: I think our whole plan to mark the event of our school anniversary is going to become fruitless. Not many students appear willing to take part in our activities.

A. futile

B. uninteresting

C. favourable

D. significant

Question 45: Failing to submit the proposal on time was a nail in the coffin for Tom.

A. adversity

B. failure

C. property

D. success

Question 46: This celebration can be traced back to the country's precolumbian past.

A. understood

B. accelerated

C. accomplished

D. followed

Question 47: In my daily life I just wear casual clothes at work, so from time to time it feels nice to dress up and go out like for New Year's Eve tonight.

A. put on special clothes

B. change in appearance

C. be new and different

D. feel more comfortable and relaxed

Question 48: Did you stay up all night celebrating the new year?

A. go outside

B. go to bed later than usual

C. participate in activities

D. sleep at one's house

Question 49: Oh my! This place is a disaster! This is the last time I'll host an all-night party. It's going to take all day to straighten it up.

A. dispose it

B. reuse it

C. make it clean and tidy

D. rearrange it

Question 50: We managed to kick off this event in time despite the heavy rain.

A. commence

B. finish

C. unfold

D. institute

Exercise 5: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 51: In spite of occasions that may feel onerous, it is the creative process that entices and invigorates researchers most.

A. extrudes

B. fatigues

C. activates

D. galvanizes

Question 52: We are ready to be answerable to the manager for anything that goes wrong during the international event.

A. accountable

B. dutiful

C. irresponsible

D. dominant

Question 53: S.Mayo Hospital in New Orleans was so named in recognition of Dr. Mayo's outstanding humanitarianism.

- A. remarkable B. undistinguished C. charitable D. popular

Question 54: It was inevitable that the smaller event management company will merge with the larger.

- A. important B. urgent C. necessary D. avoidable

Question 55: The final championship has been postponed until next Saturday due to the heavy snowstorm.

- A. continued B. hosted C. changed D. cancelled

Question 56: We wanted to find a camping site that was a little bit off the beaten path.

- A. conspicuous B. popular C. challenging D. mysterious

Question 57: If you are at a loose end this weekend, why don't we hold a BBQ party together.

- A. relaxed B. interested C. busy D. free

Question 58: We booked the holiday on the spur of the moment. We hadn't been planning to take a break at all this summer.

- A. suddenly B. simultaneously
C. taking time to think carefully D. swiftly

Question 59: I was so much pressure during the year that I had to go on a trip to let my hair down.

- A. be more relaxed B. get rid of anger
C. get more knowledge D. take on more work

Question 60: The party this year was out of this world. We had never tasted such delicious food.

- A. terrific B. awful C. gradual D. enormous

Exercise 6: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 61 to 65.

The provincial Party Committee's information and education board said on January 25 that the "Returning to the land of Quan ho 2019" festival will consist of 25 activities, including a celebration of the 10th (61)_____ of Quan ho's recognition by UNESCO, an exchange programme between artisans of Quan ho and other UNESCO- recognised intangible cultural heritage items of Vietnam, and a programme of Quan ho folk song performances on boats.

Head of the information and education board Nguyen Dang Tuc said it will be attended by (62) _____ of 44 original Quan ho villages in Bac Ninh. Five similar villages in the neighbouring province of Bac Giang were also invited to this event.

"A cultural and tourism week will also be organised on this occasion to (63)_____ Bac Ninh's image to visitors from across Vietnam and other countries," he added. Fringe activities include a Quan ho singing competition, a youth camp, and an international women's volleyball tournament.

Quan ho Bac Ninh folk songs were inscribed on the Representative List of the Intangible Cultural Heritage of Humanity on September 30, 2009. Since then, Bac Ninh has made considerable efforts to realise its (64)_____ to UNESCO to conserve and uphold the value of this art form, thus obtaining comprehensive results.

The songs are alternating response songs between male and female singers. Quan ho singing is common

at rituals, festivals, competitions, and informal gatherings, (65)_____guests will perform a variety of verses for their hosts before singing farewell.

(Source: <https://english.vov.vn/culture/bac-ninh-festival>)

Question 61: A. ceremony B. anniversary C. celebration D. festival

Question 62: A. artisans B. artists C. arts D. artistic

Question 63: A. broadcast B. welcome C. popularize D. spread

Question 64: A. commitments B. contributions C. ambitions D. introductions

Question 65: A. where B. which C. what D. when

Exercise 7: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 76 to 83.

Japanese Girls' Day-also known as the Doll's Festival-is celebrated on March 3 to pray for the health and happiness of young girls in Japan. *Hinamatsuri*, the name of the celebration in Japan, is marked by families displaying a set of hina dolls in the house and serving special **delicacies** that are ceremonially beautiful and delicious.

Traditionally, parents or grandparents of a newborn girl buy a set of hina dolls for the baby, unless they have special dolls that are inherited from generation to generation. From the end of February to March 3, hina dolls dressed in Japanese ancient costumes are displayed on tiered platforms that are covered with a red carpet. The costumed dolls represent the imperial court of the Heian period (A.D. 794 to 1185] and feature the emperor, empress, attendants, and musicians dressed in traditional garb.

The dolls are displayed hierarchically with the emperor and empress at the top, which are set in front of a gilded screen representing the throne. The number of dolls and their size vary from home to home, but five to seven platforms are common.

It is customary to put the dolls away as soon as the festival is over-there is a superstition that if the dolls are left out, a family will have trouble marrying off their daughters. After the festival, some people release paper dolls into the rivers praying that **this** will send away sickness and bad fortune.

(Adapted from <https://ivwiv.thespruceeats.com/>)

Question 66: Which of the following could be the main purpose of the author in the passage?

- A. To provide information about Japanese Girls' Day.
- B. To explain the meaning of the Doll's Festival.
- C. To describe the procedure of Hinamatsuri.
- D. To give the brief history of Japanese Girls' Day.

Question 67: The word "delicacies" in paragraph 1 is closest in meaning to

- A. rare flowers B. expensive foods C. traditional cakes D. beverages

Question 68: According to the passage, the following are true about Japanese Girls' Day, EXCEPT _____

- A. It is organized on March 3 to pray for health and happiness of Japanese girls.
- B. Some sets of hina dolls are preserved to pass down the younger generation.
- C. Before the festival, hina dolls in ancient costumes are covered with a red carpet.
- D. The hina dolls are categorized according to their hierarchy in the imperial court.

Question 69: What will be done with the dolls after the festival?

- A. being thrown away
- B. being stored
- C. being sold
- D. being displayed in the girls' room

Question 70: What does the word “**this**” in the last paragraph refer to?

- A. marrying off their daughters
- B. leaving out the hina dolls
- C. putting the dolls away as soon as possible
- D. putting paper dolls into the rivers

KEYS

STT	Đáp án	Giải thích chi tiết đáp án
1	C	A. contest /'kɒntest/ (n): cuộc thi (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) B. sponsor /'sponsər/ (v): tài trợ (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) C. observe /əb'zɜ:v/ (v): quan sát (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) D. festival /'festɪvəl/ (n): lễ hội (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) → Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
2	A	A. stimulate /'stimjuleɪt/ (v): khuyến khích (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc đuôi -ate làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) B. competition /,kɒmpə'tɪʃn/ (n): cuộc thi (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc đuôi -ion làm trọng âm rơi vào âm tiết trước âm đó.) C. disappointed /,dɪsə'pɔɪntɪd/ (a): thất vọng (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə'/ và tiền tố dis- với đuôi -ed không làm ảnh hưởng đến trọng âm của từ.) D. opportunity /,ɒpə'tju:nəti/ (n): cơ hội (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc đuôi -y làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) → Đáp án A có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.
3	B	A. recite /rɪ'saɪt/ (v): ngâm thơ (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. B. organize /'ɔ:gənaɪz/ (v): tổ chức (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc đuôi -ize làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) C. apologize /ə'pɒlədʒaɪz/ (v): xin lỗi (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ

		<i>hai. Vì theo quy tắc đuôi -ize làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.)</i> D. participate /pɑːˈtɪsɪpeɪt/ (v): <i>tham gia (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ate làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.)</i> → Đáp án B có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.	
4	C	A. knowledge /ˈnɒlɪdʒ/ (n): <i>kiến thức (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.)</i> B. maximum /ˈmæksɪməm/ (a): <i>tối đa (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.)</i> C. athletics /æθˈletɪks/ (n): <i>vận động viên (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ic làm trọng âm rơi vào âm tiết trước âm đó.)</i> D. marathon /ˈmærəθən/ (n): <i>chạy ma-ra-ton (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.</i> → Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.	
5	D	A. encourage /ɪnˈkʌrɪdʒ/ (v): <i>khuyến khích (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc tiền tố en- và hậu tố -age không ảnh hưởng đến trọng âm của từ.)</i> B. compete /kəmˈpiːt/ (v): <i>tranh tài, cạnh tranh (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.)</i> C. award /əˈwɔːd/ (v): <i>thưởng (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.)</i> D. represent /ˌrepriˈzent/ (v): <i>đại diện (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.)</i> → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.	
PHÁT ÂM			
6	B	A. cold /kəʊld/ B. calm /kɑːm/	C. light /laɪt/ D. film /fɪlm/
7	C	A. honey /ˈhʌni/ B. healthy /ˈhelθi/	C. honor /ˈɒnər/ D. horrible /ˈhɒrəbl/
8	D	A. inherit /ɪnˈherɪt/ B. enhance /ɪnˈhɑːns/	C. exhale /eksˈheɪl/ D. exhaust /ɪɡˈzɔːst/
9	D	A. shine /ʃaɪn/ B. slight /slaɪt/	C. strike /straɪk/ D. strict /strɪkt/
10	A	A. calendar /ˈkælɪndər/ B. parade /pəˈreɪd/	C. agrarian /əˈgreəriən/ D. pagoda /pəˈgəʊdə/
TỪ VỰNG			
11	B	A. religion /rɪˈlɪdʒən/ (n): <i>tôn giáo</i> B. religious /rɪˈlɪdʒəs/ (a): <i>(thuộc) tôn giáo</i>	

		C. religionist /rɪˈlɪdʒənɪst/ (n): <i>người cuồng tín</i> D. religiously /rɪˈlɪdʒəsli/ (adv): <i>một cách sùng đạo, một cách đều đặn</i> Căn cứ vào danh từ "activities" thì vị trí trống cần một tính từ. Nên đáp án đúng là B. Tạm dịch: Ở một số quốc gia, các hoạt động tôn giáo bên ngoài các tổ chức chính thống bị cấm.
12	C	A. direct /dəˈrekt/ (v): <i>gửi, hướng dẫn, quản lý, điều khiển</i> B. direction /dəˈrekʃən/ (n): <i>sự điều khiển, chỉ huy, lời chỉ dẫn</i> C. directive /dəˈrektɪv/ (n): <i>chỉ thị, lời hướng dẫn</i> D. directional /dəˈrekʃənl/ (a): <i>định hướng</i> Căn cứ vào mạo từ "a" thì vị trí còn trống cần một danh từ. Xét về nghĩa thì đáp án đúng là C. Tạm dịch: Tại Trường Sa, cục giáo dục tuần trước đã ban hành một chỉ thị cho các trường học không tổ chức các lễ hội phương Tây như Giáng sinh, gồm trang trí, đăng các tin nhắn liên quan hoặc trao đổi quà tặng.
13	A	A. strengthen /ˈstreŋθn/ (v): <i>đẩy mạnh, tăng cường, củng cố</i> B. strong /strɒŋ/ (a): <i>khỏe mạnh, bền, vững chắc</i> C. strength /streŋθ/ (n): <i>sức mạnh</i> D. stronghold /ˈstrɒŋhəʊld/ (n): <i>pháo đài, đồn lũy, thành trì</i> Căn cứ vào động từ khuyết thiếu "should" thì vị trí còn trống cần một động từ. Nên đáp án đúng là A. Tạm dịch: Một số người giữ niềm tin rằng giáo viên nên tăng cường giáo dục văn hóa truyền thống cho học sinh và dẫn dắt họ từ chối các lễ hội ở nước ngoài.
14	D	A. favorite /ˈfeɪvərɪt/ (a): <i>ưa thích</i> C. favour /ˈfeɪvər/ (n): <i>thiện ý, sự quý mến, sự đồng ý, sự thuận ý</i> D. favourable /ˈfeɪvərəbl/ (a): <i>thuận lợi</i> Căn cứ vào danh từ "condition" thì vị trí còn trống cần một tính từ. Xét về nghĩa thì đáp án đúng là D. Tạm dịch: Lễ kỷ niệm là một điều kiện thuận lợi để trau dồi sự hiểu biết lẫn nhau giữa mọi người trên quy mô địa phương và toàn cầu.
15	B	A. context /ˈkɒntekst/ (n): <i>văn cảnh, ngữ cảnh</i> B. shock /ʃɒk/ (n): <i>sự va chạm, cú sốc</i> C. preparation /ˌprepəˈreɪʃn/ (n): <i>sự chuẩn bị</i> D. exchange /ɪksˈtʃeɪndʒ/ (n): <i>sự trao đổi</i> Cụm từ cố định: culture shock: <i>sốc văn hóa</i> Tạm dịch: Tổ chức truyền thống mới giúp chúng ta cập nhật thông tin mới, điều này đặc biệt quan trọng khi chúng ta trải qua một số giai đoạn sốc văn hóa có thể ảnh hưởng đến nhiều người trong chúng ta trong những tháng đầu tiên sau khi chuyển ra nước ngoài.
16	C	A. chaos /ˈkeɪɒs/ (n): <i>sự hỗn loạn, lộn xộn</i> B. mess /mes/ (n): <i>tình trạng hỗn độn, bừa bộn, bẩn thỉu</i>

		C. shamples /'sɑ:mpl/ (n): lò mỗ, tình trạng hỗn loạn, rối ren D. confusion /kən'fju:ʒn/ (n): sự lộn xộn, bối rối, xấu hổ Tạm dịch: "Lễ hội nhạc rock rất vui, nhưng nó đã bị tổ chức này phá hỏng, gây ra một tình trạng hỗn loạn.
17	A	A. recital /rɪ'saɪtl/ (n): sự kể lại, ngâm thơ, biểu diễn độc tấu B. score /skɔ:r/ (n): điểm C. concert /'kɒnsət/ (n): buổi hòa nhạc D. rehearsal /rɪ'hɜ:sl/ (n): sự diễn tập (vở kịch, bài múa,...) Tạm dịch: Dàn nhạc của trường sẽ có buổi biểu diễn độc tấu tối nay, điều này nghe có vẻ khá thú vị.
18	D	A. masterpiece /'mɑ:stəpi:s/ (n): tác phẩm lớn, kiệt tác B. audition /ɔ:'dɪʃn/ (n): sự thử giọng C. installation /,ɪnstə'leɪʃn/ (n): lễ nhậm chức, kho quân sự D. retrospective /,retrə'spektɪv/ (n): triển lãm nhìn lại quá khứ sáng tác Tạm dịch: Chúng tôi đã đến triển lãm nhìn lại quá khứ sáng tác những bức tranh của Lewis tại Bảo tàng Granchester tuần trước.
19	C	A. virtually /'vɜ:tʃuəli/ (adv): hầu như, gần như B. desperately /'despərətli/ (adv): liều lĩnh, liều mạng C. dramatically /drə'mætɪkli/ (adv): đột ngột D. regularly /'regjələli/ (adv): đều đặn, thường xuyên Tạm dịch: Trong mùa cao điểm, giá thường tăng đột ngột ở hầu hết các điểm du lịch.
20	B	A. worldwide /,wɜ:ld'waɪd/ (a/adv): trên toàn thế giới B. interculturally /,ɪntə'kʌltʃərəli/ (adv): liên văn hóa C. multinationally /,mʌlti'næʃnəli/ (adv): đa quốc gia D. universally /,ju:nɪ'vɜ:səli/ (adv): phổ biến, mọi nơi Tạm dịch: Lễ kỷ niệm truyền thống là một cơ hội tuyệt vời để trao đổi một cách liên văn hóa các ý tưởng và thông tin.
21	A	A. entirely /ɪn'taɪəli/ (adv): hoàn toàn, trọn vẹn B. intriguingly /ɪn'tri:ɡɪŋli/ (adv): hấp dẫn, kích thích, tò mò C. desperately /'despərətli/ (adv): liều lĩnh, liều mạng D. substantially /səb'stænfəli/ (adv): về thực chất, căn bản Tạm dịch: Một số người tranh luận rằng việc tổ chức các sự kiện và lễ hội của quốc gia là hoàn toàn chính đáng vì những lợi ích mà chúng mang lại cho đất nước chúng ta.
22	B	A. nicely /'naɪsli/ (adv): thú vị, dễ chịu, xinh B. grandly /'grændli/ (adv): đàng hoàng, long trọng, đầu ra đầy C. expressively /ɪk'spresɪvli/ (adv): truyền cảm D. tremendously /trə'mendəsli/ (adv): ghê gớm, khủng khiếp, rất lớn Tạm dịch: Một số ý kiến cho rằng các sự kiện đặc biệt cần được tổ chức một cách long trọng vì nó chỉ xảy ra một vài lần trong đời.
23	B	A. well-known /,wel'nəʊn/ (a): nổi tiếng

		B. well-organized / ,wel 'ɔ:gənaɪzd / (a): được tổ chức tốt C. high-spirited / ,haɪ 'spɪrɪtɪd/ (a): dũng cảm, can đảm D. strong-willed / ,strɒŋ 'wɪld/ (a): cứng cỏi, kiên quyết Tạm dịch: Các lễ hội và sự kiện được tổ chức tốt có thể mang lại nhiều lợi ích kinh tế và xã hội cho cộng đồng.
24	C	A. long-lasting / ,lɒŋ 'lɑ:stɪŋ/ (a): bền lâu B. old-fashioned / ,əʊld 'fæʃnd/ (a): lỗi thời C. short-term / ,ʃɔ:t 'tɜ:m/ (a): ngắn hạn D. quick-witted / ,kwɪk 'wɪtɪd/ (a): nhanh trí Tạm dịch: Mặc dù thật hấp dẫn khi nhận ra sự gia tăng ngắn hạn về năng suất và tiết kiệm có thể xảy ra nhờ việc bãi bỏ các ngày lễ, nhưng tổng chi phí đó lại vượt xa lợi nhuận.
25	D	A. nightlife / 'naɪtlaɪf/ (n): cuộc sống về đêm B. nightmare / 'naɪtmɛr/ (n): cơn ác mộng C. night-blindness / 'naɪt 'blaɪndnəs/ / (n): quáng gà D. nightclub / 'naɪtklʌb/ (n): câu lạc bộ khiêu vũ, giải trí vào ban đêm, hộp đêm Tạm dịch: Một nơi có âm nhạc và khiêu vũ, với những bữa tiệc vào ban đêm, được gọi là hộp đêm.
26	A	A. run-down / rʌn 'daʊn / (a): kiệt sức, trong tình trạng tồi tàn, đổ nát B. ill-equipped / ,ɪl ɪ'kwɪpt/ (a): trang bị kém, thiếu cơ sở vật chất C. broken-down / ,brɒskən 'daʊn/ (a): hỏng hóc D. worn-out / ,wɔ:n 'aʊt/ (a): hao mòn, mệt lử Tạm dịch: Một nơi có âm nhạc và khiêu vũ, với những bữa tiệc vào ban đêm, được gọi là hộp đêm
27	C	A. look down on: coi thường B. pin down: bao vây C. crack down on: đàn áp thẳng tay, áp dụng kỷ luật nghiêm khắc D. drop off: thiêu thiêu ngủ Tạm dịch: Việc chính phủ thẳng tay đàn áp các hành vi chống lại xã hội liên quan đến lạm dụng ma túy và rượu tại các lễ hội là chính đáng.
28	C	C. shut off: khóa, tắt, ngắt B. give away: vô ý tiết lộ bí mật, cho miễn phí C. let up: làm dịu đi, tạnh, ngưng hẳn, giảm bớt D. fall over: ngã lộn nhào, bị đổ Tạm dịch: Tiếng ồn từ những người hâm mộ cuồng nhiệt đang ăn mừng chiến thắng của đội họ đã không ngưng hẳn cho đến sáng sớm.
29	D	A. carry away with: bị lôi cuốn, say mê với B. cope with: đối phó, đương đầu với C. get down to: bắt đầu làm gì một cách nghiêm túc D. go ahead with: tiến hành làm gì Tạm dịch: Chúng tôi đã nhận được sự cho phép để tiến hành lễ hội âm nhạc bất chấp sự phản đối của người dân địa phương.

30	C	Cấu trúc: scare sb off: làm cho ai đó sợ/lo lắng Tạm dịch: Bạn đang lẽ ra không nên gửi cho John tấm thiệp Valentine đó. Tôi nghĩ bạn đã làm anh ấy sợ.
31	B	A. as far as: theo như B. in that: bởi vì C. as for: về phần D. in terms of: về phần, về phía, xét về mặt Tạm dịch: Tổ chức một hoạt động khởi động là tốt cho tôi, bởi vì tôi đã thu được rất nhiều kinh nghiệm quý giá.
32	D	A. Mother's Day: ngày của Mẹ B. Thanksgiving: lễ Tạ ơn C. Independence Day: Quốc khánh D. Valentine's Day: lễ Tình nhân Tạm dịch: Lễ Tình nhân diễn ra vào ngày 14 tháng 2 khi bạn tặng thiệp Valentine cho người mà bạn có hoặc muốn có một mối quan hệ lãng mạn.
33	B	A. at stake: bị đe dọa B. on a shoestring: dùng rất ít tiền C. in a nutshell: một cách tóm tắt, tóm gọn lại D. under siege: dưới sự bao vây, vây hãm, tấn công, công kích Tạm dịch: Vì thiếu sự hỗ trợ tài chính, chúng tôi đã tổ chức lễ hội này với chi phí rất ít.
34	A	A. in full swing: hoạt động ở mức độ cao nhất/sôi nổi nhất B. up in the air: không chắc chắn, không đáng tin cậy, không rõ ràng C. over the moon: rất vui sướng D. under a cloud: lâm vào hoàn cảnh buồn, bị thất thế Tạm dịch: Bữa tiệc đã diễn ra rất sôi động khi chúng tôi đến. Mọi người cùng hát và nhảy múa vui vẻ.
35	B	A. far-reaching / ˌfɑː ˈriːtʃɪŋ/ (a): có ảnh hưởng sâu rộng B. forthcoming / ˌfɔːθɪˈkʌmɪŋ/ (a): sắp tới, sắp đến C. approaching / əˈprəʊtʃɪŋ/ (V-ing): đến, tới D. inevitable / ɪnˈevɪtəbl/ (a): không thể tránh được, quen thuộc Tạm dịch: Một danh sách các sự kiện sắp tới sẽ được đăng trên bảng thông báo.
36	B	A. exposition / ˌeksˈpəːzɪʃn/ (n): sự phơi bày B. manifestation / ˌmænɪfɪˈsteɪʃn/ (n): sự biểu lộ, biểu thị (là đại diện thay cho 1 điều gì đó) C. token / ˈtəʊkən/ (n): dấu hiệu, biểu hiện (là ví dụ của 1 điều gì đó) D. exhibition / ˌeksɪˈbɪʃn/ (n): sự trưng bày, cuộc triển lãm Tạm dịch: Cuộc thi mà anh ấy mở ra cho các nhạc sĩ trẻ là một biểu hiện khác của sự ủng hộ trọn đời của anh ấy cho nghệ thuật.
37	D	A. beginning /bɪˈɡɪnɪŋ/ (n): phần đầu B. launch /lɔːntʃ/ (n/v): hạ thủy, khai trương C. commencement /kəˈmensmənt/ (n): sự khởi đầu

		D. infancy /'ɪnfənsi/ (n): <i>tuổi thơ ấu, lúc còn trứng nước (mới có dấu hiệu)</i> Tạm dịch: Dự án tổ chức Lễ hội pháo hoa quốc tế đã bị hủy bỏ khi nó vẫn còn ở giai đoạn sơ khai.
38	C	A. assault /ə'sɔ:lt/ (n): <i>cuộc tấn công, đột kích (có yếu tố súng đạn)</i> B. invasion /ɪn'veɪʒn/ (n): <i>sự xâm lược, xâm chiếm, xâm phạm</i> C. onslaught /'ɒnslo:t/ (n): <i>sự công kích, tấn công dữ dội</i> D. attack /ə'tæk/ (n/v): <i>tấn công, công kích</i> Tạm dịch: Một vài môi trường giàu có nhất của thế giới đã bị tàn phá bởi sự tấn công dữ dội của khách du lịch và đời sống của các động vật hoang dã đặc biệt nhất bị đẩy đến mức gần tuyệt chủng. Ngoài ra, với các ảnh hưởng về môi trường lớn hơn có thể xảy ra do hệ thống giao thông thiếu nhiên liệu vận hành.
39	C	Cấu trúc: ward off something: <i>tránh, né, xua đuổi cái gì</i> Tạm dịch: Trong một số nền văn hóa, mọi người thường đeo đồ trang sức để xua đuổi/tránh tà ma.
40	D	Cấu trúc: in a great dilemma: <i>trong tình trạng cực kỳ khó xử</i> Tạm dịch: Lễ hội có thể là một cách tuyệt vời để thúc đẩy nền kinh tế của một quốc gia, vì vậy một số lượng lớn người dân bản địa sẽ không phải lo chật vật để kiếm đủ sống nữa.
ĐỒNG NGHĨA		
41	A	Tạm dịch: Sự kiện tầm cỡ quốc gia này không chỉ giúp nâng cao danh tiếng của thành phố mà còn mang lại hạnh phúc và sự hài lòng cho cư dân địa phương. → enhance /ɪn'hɑ:ns/ (v): <i>nâng cao</i> Xét các đáp án: A. boost /bu:st/ (v): <i>nâng cao</i> B. accumulate /ə'kju:mjəleɪt/ (v): <i>tích lũy</i> C. diversify /daɪ'vɜ:sɪfaɪ/ (v): <i>làm đa dạng</i> D. tarnish /'tɑ:nɪʃ/ (v): <i>làm cho mờ</i>
42	C	Tạm dịch: Tết Nguyên đán là một phần không thể thay thế của người Việt Nam, là khoảng thời gian cho các gia đình quây quần cùng nhau để ôn lại quá khứ và tỏ lòng thành kính với tổ tiên. → irreplaceable /,ɪrɪ'pleɪsəbl/ (a): <i>không thể thay thế</i> Xét các đáp án: A. flawless /'flɔ:ləs/ (a): <i>hoàn hảo</i> B. powerful /'paʊəfl/ (v): <i>quyền lực</i> C. vital /'vaɪtəl/ (a): <i>quan trọng</i> D. dispensable /dɪ'spensəbl/ (a): <i>không cần thiết</i>
43	C	Tạm dịch: Du lịch có thể là một nguồn thu nhập lớn cho quốc gia sở tại. Theo báo cáo mới nhất về doanh thu quốc gia, gần 41 % GDP của Thái Lan đến từ ngành công nghiệp sinh lợi này. → lucrative /'lu:kreɪtɪv/ (a): <i>sinh lợi</i>

		Xét các đáp án: A. essential /ɪ'senʃəl/ (a): <i>quan trọng</i> B. costly /'kɒstli/ (a): <i>mắc</i> C. profitable /'prɒfɪtəbl/ (a): <i>đem lại nhiều tiền</i> D. exceptional /ɪk'sepʃənəl/ (a): <i>đặc biệt, hiếm thấy</i>
44	A	Tạm dịch: Tôi nghĩ rằng toàn bộ kế hoạch của chúng tôi để đánh dấu sự kiện kỷ niệm trường sẽ trở thành vô ích. Không có nhiều sinh viên đến và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động của chúng tôi. → fruitless /'fru:tləs/ (a): <i>vô ích</i> Xét các đáp án: A. futile /'fju:təl/ (a): <i>vô ích, không hiệu quả</i> B. uninteresting /ʌn'ɪntrəstɪŋ/ (a): <i>không thú vị</i> C. favourable /'feɪvərəbl/ (a): <i>thuận lợi, có lợi</i> D. significant /sɪg'nɪfɪkənt/ (a): <i>đáng kể</i>
45	B	Tạm dịch: Không gửi được đề xuất đúng hạn là một điều khiến Tom thất bại. → a nail in the coffin: <i>cái mà làm cho người ta thất bại</i> Xét các đáp án: A. adversity /əd'vɜ:səti/ (n): <i>tình huống khó khăn</i> B. failure /'feɪljər/ (n): <i>sự thất bại</i> C. property /'prɒpəti/ (n): <i>sự sở hữu</i> D. success /sək'ses/ (n): <i>thành công</i>
46	D	Tạm dịch: Lễ kỷ niệm này có thể bắt nguồn từ thời xa xưa của đất nước. → trace back to: <i>có nguồn gốc từ</i> Xét các đáp án: A. understand /ˌʌndə'stænd/ (v): <i>hiểu</i> B. accelerate /ək'seləreɪt/ (v): <i>tăng tốc độ</i> C. accomplish /ə'kʌmplɪʃ/ (v): <i>đạt tới, hoàn thành</i> D. follow /'fɒləʊ/ (v): <i>theo sau</i>
47	A	Tạm dịch: Trong cuộc sống hàng ngày, tôi chỉ mặc quần áo bình thường tại nơi làm việc, vì vậy thỉnh thoảng tôi cảm thấy thật tuyệt để chưng diện và đi ra ngoài như đêm giao thừa hôm nay. → dress up: <i>chưng diện, ăn mặc đẹp</i> Xét các đáp án: A. put on special clothes: <i>mặc những bộ đồ đặc biệt</i> B. change in appearance: <i>thay đổi ngoại hình</i> C. be new and different: <i>trông mới và khác biệt</i> D. feel more comfortable and relaxed: <i>cảm thấy thoải mái và thư giãn hơn</i>
48	B	Tạm dịch: Bạn đã thức cả đêm để ăn mừng năm mới phải không? → stay up: <i>thức</i> Xét các đáp án: A. go outside: <i>đi ra ngoài</i>

		B. go to bed later than usual: <i>đi ngủ trễ hơn bình thường</i> C. participate in activities: <i>tham gia vào các hoạt động</i> D. sleep at one's house: <i>ngủ lại nhà ai đó</i>
49	C	Tạm dịch: ôi trời! Nơi này là một thảm họa! Đây là lần cuối cùng tôi sẽ tổ chức một bữa tiệc thâu đêm. Sẽ mất cả ngày để dọn dẹp nó gọn gàng lại. → straighten it up: <i>dọn dẹp gọn gàng</i> Xét các đáp án: A. dispose sth: <i>sắp xếp cái gì</i> B. reuse sth: <i>tái sử dụng cái gì</i> C. make sth clean and tidy: <i>làm cho cái gì sạch sẽ, gọn gàng</i> D. rearrange sth: <i>sắp xếp lại cái gì</i>
50	A	Tạm dịch: Chúng tôi đã cố gắng tiến hành sự kiện này kịp thời mặc dù trời mưa to. → kick off: <i>tiến hành</i> Xét các đáp án: A. commence /kə'mens/ (v): <i>bắt đầu</i> B. finish /'finɪʃ/ (v): <i>kết thúc</i> C. unfold /ʌn'fəʊld/ (v): <i>mở</i> D. institute /'ɪnstɪtju:t/ (n): <i>cơ quan</i>
TRÁI NGHĨA		
51	B	Tạm dịch: Mặc dù có những dịp lễ có thể cảm thấy phiền hà, nhưng đó là quá trình sáng tạo, giúp lôi kéo và tiếp thêm sinh lực cho các nhà nghiên cứu. → invigorate /ɪn'vɪɡəreɪt/ (v): <i>tiếp thêm sinh lực</i> Xét các đáp án: A. extrude /ɪk'stru:d/ (v): <i>đẩy ra</i> B. fatigue /fə'ti:g/ (v): <i>làm cho mệt mỏi</i> C. activate /'æktɪveɪt/ (v): <i>làm hoạt động</i> D. galvanize /'gælvnəaɪz/ (v): <i>kích động</i>
52	C	Tạm dịch: Chúng tôi sẵn sàng chịu trách nhiệm trước người quản lý về bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình tổ chức sự kiện quốc tế. → answerable to: <i>chịu trách nhiệm</i> Xét các đáp án: A. accountable /ə'kaʊntəbl/ (a) <i>có thể đếm được</i> B. dutiful /'dju:tɪfl/ (a): <i>tháo vác</i> C. irresponsible /,ɪrɪ'spɒnsəbl/ (a): <i>vô trách nhiệm</i> D. dominant /'dɒmɪnənt/ (a): <i>quyền lực, thống trị</i>
53	B	Tạm dịch: Bệnh viện S. Mayo ở New Orleans được đặt tên như vậy để công

		nhận chủ nghĩa nhân đạo nổi bật của bác sĩ Mayo. → outstanding /aʊt'stændɪŋ/ (a): nổi bật Xét các đáp án: A. remarkable /rɪ'mɑ:kəbl/ (a): đáng chú ý B. undistinguished /,ʌndɪ'stɪŋgwɪft/ (a): không thể phân biệt được, bình thường C. charitable /'tʃærətəbl/ (a): nhân đức, từ thiện D. popular /'pɒpjələ/ (a): phổ biến
54	D	Tạm dịch: Không thể tránh khỏi ỉa công ty quản lý sự kiện nhỏ hơn sẽ hợp nhất với một công ty lớn hơn. → inevitable /i'nevɪtəbəl/ (a): không thể tránh khỏi Xét các đáp án: A. important /ɪm'pɔ:tnt/ (a): quan trọng B. urgent /'ɜ:dʒənt/ (a): khẩn cấp C. necessary /'nesəsəri/ (a): cần thiết D. avoidable /ə'vɔɪdəbl/ (a): có thể tránh
55	A	Tạm dịch: Giải vô địch cuối cùng đã bị hoãn lại cho đến thứ Bảy tuần sau vì bão tuyết quá lớn. → postpone /paʊst'paʊn/ (v): trì hoãn Xét các đáp án: A. continued /kən'tɪnju:d/ (v): tiếp tục B. host /həʊst/ (v): chủ nhà C. change /tʃeɪndʒ/ (v): thay đổi D. cancell /'kænsəl/ (v): hủy bỏ
56	B	Tạm dịch: Chúng tôi muốn tìm một địa điểm cắm trại nơi mà ít phổ biến với mọi người. → off the beaten path: không phổ biến với nhiều người Xét các đáp án: A. conspicuous /kən'spɪkjʊəs/ (a): nổi bật B. popular /'pɒpjələ/ (a): phổ biến C. challenging /'tʃælɪndʒɪŋ/ (a): khó khăn, thách thức D. mysterious /mɪ'stɪəriəs/ (a): bí ẩn
57	C	Tạm dịch: Nếu cuối tuần bạn rảnh rỗi, tại sao chúng ta không tổ chức tiệc nướng cùng nhau. → at a loose end: không có gì để làm, rảnh rỗi Xét các đáp án: A. relaxed /rɪ'lækst/ (a): thư giãn B. interested /'ɪntrəstɪd/ (a): thú vị C. busy /'bɪzi/ (a): bận rộn D. free /fri:/ (a): rảnh

58	C	Tạm dịch: Chúng tôi đặt kỳ nghỉ một cách ngẫu nhiên. Chúng tôi đã không có kế hoạch nghỉ ngơi vào mùa hè này. → on the spur of the moment: làm gì một cách ngẫu nhiên không có kế hoạch trước Xét các đáp án: A. suddenly /'sʌdənlɪ/ (adv): đột nhiên B. simultaneously /ˌsɪml'teɪniəsli/ (adv): đồng thời, cùng một lúc C. taking time to think carefully: dành thời gian để suy nghĩ kỹ D. swiftly /'swɪftli/ (adv): nhanh chóng, ngay lập tức
59	D	Tạm dịch: Tôi đã có quá nhiều áp lực trong năm qua đến nỗi tôi phải đi một chuyến du lịch để thư giãn. → let my hair down: thư giãn Xét các đáp án: A. be more relaxed: cảm thấy thoải mái hơn B. get rid of anger: loại bỏ sự tức giận C. get more knowledge: thu thập nhiều kiến thức hơn D. take on more work: đảm nhận thêm nhiều việc
60	B	Tạm dịch: Bữa tiệc năm nay rất là tuyệt vời. Chúng tôi chưa bao giờ được ăn những món ngon như vậy. → out of this world: tuyệt vời Xét các đáp án: A. terrific /tə'rifɪk/ (a): tuyệt vời B. awful /'ɔ:fl/ (a): tồi tệ C. gradual /'grædʒuəl/ (a): từ từ, dần dần D. enormous /ɪ'no:məs/ (a): cực kỳ to lớn
ĐỌC ĐIỀN		
61	B	A. ceremony /'serɪməni/ (n): nghi thức B. anniversary /æm'vɜ:isəri/ (n): lễ kỷ niệm C. celebration /selə'breɪʃən/ (n): sự kỷ niệm D. festival /'festɪvəl/ (n): lễ hội Căn cứ vào nghĩa của câu: The provincial Party Committee's information and education board said on January 25 that the “Returning to the land of Quan ho 2019” festival will consist of 25 activities, including a celebration of the 10th (61)_____of Quan ho's recognition by UNESCO. (Vào ngày 25 tháng 1, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cho biết lễ hội "Trở về vùng đất Quan họ 2019" sẽ bao gồm 25 hoạt động, trong đó có lễ kỷ niệm lần thứ mười của sự kiện dân ca Quan họ được công nhận bởi UNESCO.)
62	A	A. artisan /ˌɑ:tɪ'zæn/ (n): thợ thủ công, nghệ nhân B. artist /'ɑ:tɪst/ (n): họa sĩ

		C. art /a:t/ (n): <i>nghệ thuật</i> D. artistic /ɑ:ˈtɪstɪk/ (a): <i>liên quan đến nghệ thuật</i> Sau giới từ ta cần một danh từ. Căn cứ vào nghĩa của câu: Head of the information and education board Nguyen Dang Tuc said it will be attended by (62)_____ of 44 original Quan ho villages in Bac Ninh. (<i>Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nguyễn Đăng Túc cho biết sẽ có sự tham gia của các nghệ nhân của 44 làng Quan họ gốc ở Bắc Ninh.</i>)
63	C	Kiến thức về từ vựng: A. broadcast /ˈbrɔːdkɑːst/ (v): <i>phát (tin tức ...) bằng truyền hình</i> B. welcome /ˈwelkəm/ (v): <i>chào đón</i> C. popularize /ˈpɒpjələraɪz/ (v): <i>làm cho phổ biến, quảng bá</i> D. spread /spred/ (v): <i>lan rộng</i> Căn cứ vào nghĩa của câu: "A cultural and tourism week will also be organised on this occasion to (63)_____ Bac Ninh's image to visitors from across Vietnam and other countries/" he added. (<i>"Một tuần văn hóa và du lịch cũng sẽ được tổ chức vào dịp này để quảng bá hình ảnh của Bắc Ninh cho du khách từ khắp Việt Nam và các quốc gia khác" ông nói thêm.</i>)
64	A	Kiến thức về từ vựng: A. commitment /kəˈmɪtmənt/ (n): <i>cam kết</i> B. contribution /ˌkɒntrɪˈbjʊːʃən/ (n): <i>sự đóng góp</i> C. ambition /æmˈbɪʃən/ (n): <i>tham vọng</i> D. introduction /ˌɪntrəˈdʌkʃən/ (n): <i>sự giới thiệu</i> Căn cứ vào nghĩa của câu: Since then, Bac Ninh has made considerable efforts to realise its (64)_____ to UNESCO to conserve and uphold the value of this art form, thus obtaining comprehensive results. (<i>Kể từ đó, Bắc Ninh đã nỗ lực đáng kể để thực hiện cam kết với UNESCO trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của loại hình nghệ thuật này, nhờ đó đạt được kết quả toàn diện.</i>)
65	A	Ở đây ta cần một trạng từ quan hệ chỉ nơi chốn để thế cho những địa điểm đã được đề cập trước đó "rituals, festivals, competitions, and informal gatherings" nên ta chọn đáp án A. Căn cứ vào nghĩa của câu: Quan ho singing is common at rituals, festivals, competitions, and informal gatherings, (65)_____ guests will perform a variety of verses for their hosts before singing farewell. (<i>Hát Quan họ rất phổ biến tại các nghi lễ, lễ hội, các cuộc thi và các cuộc tụ họp không chính thức, ở đó các vị khách sẽ biểu diễn nhiều câu thơ cho chủ nhà trước khi hát chia tay.</i>)
ĐỌC HIỂU		
66	A	Điều nào sau đây là mục đích chính của tác giả trong đoạn văn? A. Để cung cấp thông tin về Ngày lễ dành cho các bé gái ở Nhật Bản.

		B. Để giải thích ý nghĩa của lễ hội Búp bê C. Để mô tả các thủ tục của lễ hội Hinamatsuri. D. Để cung cấp cho lịch sử ngắn gọn về Ngày lễ dành cho các bé gái ở Nhật Bản Căn cứ vào thông tin đoạn đầu: Japanese Girls' Day- also known as the Doll's Festival- is celebrated on March 3 to pray for the health and happiness of young girls in Japan. <i>(Ngày lễ dành cho các bé gái ở Nhật Bản hay còn gọi là Lễ hội búp bê, được tổ chức vào ngày 3 tháng 3 để cầu nguyện sức khỏe và hạnh phúc cho các bé gái ở Nhật Bản.)</i> Như vậy ở đoạn 1 tác giả đề cập tới thông tin về thời gian tổ chức và mục đích của Ngày lễ dành cho các bé gái ở Nhật Bản, vậy mục đích của tác giả là cung cấp thông tin về ngày lễ này.
67	B	Từ “delicacies” trong đoạn 1 có nghĩa gần nhất với từ _____ A. các loài hoa hiếm có B. những món ăn đắt tiền C. các loại bánh truyền thống D. nước giải khát Từ đồng nghĩa: delicacy (<i>món ngon</i>) = special food Căn cứ vào thông tin đoạn 1: Hinamatsuri, the name of the celebration in Japan, is marked by families displaying a set of hina dolls in the house and serving special delicacies that are ceremonially beautiful and delicious. <i>(Hinamatsuri, tên của lễ kỷ niệm tại Nhật Bản, được đánh dấu bởi việc các gia đình trưng bày một bộ búp bê hina trong nhà và phục vụ các món ăn đắt tiền đặc biệt đẹp mắt và ngon miệng.)</i>
68	C	Theo đoạn văn, những câu sau đây là đúng về Ngày lễ dành cho các bé gái ở Nhật Bản, ngoại trừ _____ A. Lễ hội được tổ chức vào ngày 3 tháng 3 để cầu sức khỏe và hạnh phúc cho những đứa bé gái Nhật Bản. B. Một vài loại búp bê Hina được cất giữ để truyền lại cho các thế hệ sau. C. Trước lễ hội, búp bê Hina mặc trang phục truyền thống sẽ được che phủ bằng một tấm thảm đỏ. D. Búp bê Hina được phân loại theo thứ bậc của chúng trong triều đình. Căn cứ vào thông tin các đoạn: Japanese Girls' Day-also known as the Doll's Festival-is celebrated on March 3 to pray for the health and happiness of young girls in Japan. <i>(Ngày lễ dành cho các bé gái ở Nhật Bản hay còn gọi là Lễ hội búp bê, được tổ chức vào ngày 3 tháng 3 để cầu nguyện sức khỏe và hạnh phúc cho các bé gái ở Nhật Bản.)</i> Traditionally parents or grandparents of a newborn girl buy a set of hina dolls for the baby unless they have special dolls that are inherited from generation to generation. <i>(Theo truyền thống, cha mẹ hoặc ông bà của một bé gái sơ sinh phải mua một bộ búp bê hina cho bé, trừ khi chúng có những con búp bê đặc biệt được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác)</i> The costumed dolls represent the imperial court of the Heian period (A.D. 794 to 1185) and feature the emperor, empress, attendants, and musicians dressed in

		traditional garb. (Những con búp bê đại diện cho triều đình của thời Heian (A.D. 794 đến 1185) và có hoàng đế, hoàng hậu, người hầu và nhạc sĩ trong những bộ trang phục truyền thống.)
69	B	Sau lễ hội, những con búp bê sẽ được làm gì? A. Bị vứt đi B. Được cất giữ C. Bị bán đi D. Được trưng bày trong phòng của những bé gái Căn cứ vào thông tin đoạn cuối: It is customary to put the dolls away as soon as the festival is over (Nó là phong tục để cất giữ những con búp bê đi ngay khi lễ hội kết thúc.)
70	D	Từ "this" trong đoạn cuối chỉ điều gì sau đây? A. Việc kết hôn của những cô con gái B. Việc bỏ những con búp bê Hina C. Việc cất giữ những con búp bê càng sớm càng tốt D. Việc thả những con búp bê giấy xuống sông Từ "this" thay thế cho việc thả búp bê giấy xuống sông ở trước đó. Căn cứ vào thông tin đoạn cuối: After the festival, some people release paper dolls into the rivers praying that this will send away sickness and bad fortune. (Sau lễ hội, một số người sẽ thả búp bê giấy xuống sông và cầu nguyện rằng điều này sẽ mang bệnh tật và những điềm xấu đi xa.)